

Số: 72 /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống vật nuôi”, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần “Phát triển một số giống vật nuôi chất lượng cao tại khu vực miền Trung”**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ các Quyết định số 3047/QĐ-BNN-KH ngày 14/7/2021, số 2678/QĐ-BNN-KH ngày 14/7/2022 và số 497/QĐ-BNN-KH ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống vật nuôi”;*

*Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-BNN-XD ngày 27/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình dự án thành phần “Phát triển một số giống vật nuôi chất lượng cao tại khu vực miền Trung” thuộc Dự án trên;*

*Xét đề nghị của Viện Chăn nuôi tại các Tờ trình số 767/TTr-VCN-KHTC ngày 23/12/2024 trình phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống vật nuôi”, số 766/TTr-VCN-KHTC ngày 23/12/2024 trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh*

dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần “Phát triển một số giống vật nuôi chất lượng cao tại khu vực miền Trung”, Báo cáo giám sát đánh giá điều chỉnh dự án số 763/BC-VCN-KHTC ngày 20/12/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng các Cục: Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1179/BC-XD-TĐ ngày 27/12/2024), Chăn nuôi và Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại khoản 5 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 497/QĐ-BNN-KH ngày 02/02/2024 phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống vật nuôi” như sau:

“- Đã duyệt: Xây dựng chuồng kín nuôi gà giống (gà đẻ, gà hậu bị), xây dựng nhà điều hành, một số hạng mục công trình phụ trợ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; mua sắm trang thiết bị.

- Bổ sung: Xây dựng chuồng gà con, gà tân đảo (gồm cả thiết bị), đường nội khu, tường rào, gara, nhà chứa phân, nhà đốt xác động vật và một số hạng mục công trình phụ trợ; mua sắm trang thiết bị.”

**Điều 2.** Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 704/QĐ-BNN-XD ngày 27/02/2023 như sau:

#### **1. Điều chỉnh một số nội dung Điều 1:**

a) Bổ sung vào khoản 6 (Tổ chức tư vấn lập dự án):

“- Tổ chức tư vấn lập dự án điều chỉnh: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và PTNT. Chủ nhiệm thiết kế điều chỉnh: Kỹ sư Nguyễn Anh Tuấn.”

b) Điều chỉnh, bổ sung khoản 10 (Quy mô, nội dung đầu tư):

“a) Đã duyệt:

- Xây dựng chuồng nuôi gà giống gồm chuồng nuôi gà đẻ, chuồng nuôi gà hậu bị;

- Xây dựng nhà điều hành; một số hạng mục công trình phụ trợ (nhà bảo vệ- cổng chính, nhà cách ly dịch, nhà vệ sinh thú y- hố khử trùng, kho vật tư, kho chứa chất độn chuồng, nhà ấp trứng)

- Hạ tầng kỹ thuật (san nền, sân đường thoát nước, tường rào bảo vệ, cấp điện toàn khu, cấp nước toàn khu, thoát nước toàn khu, bể xử lý nước thải);

- Mua sắm thiết bị phục vụ chăn nuôi.

b) Bổ sung:

- Xây dựng mới chuồng nuôi gà con, chuồng nuôi gà tân đảo, gara xe, nhà chứa phân, nhà đốt xác động vật và một số hạng mục công trình phụ trợ.

- Mua sắm bổ sung thiết bị phục vụ chăn nuôi, thiết bị công trình, thiết bị làm việc, thiết bị vận chuyển con giống.”

c) Bỏ điểm h (Chống sét toàn khu) thuộc điểm 11.4 khoản 11.

d) Điều chỉnh điểm 11.5 (Thiết bị) khoản 11:

*"11.5. Thiết bị: Đầu tư trang thiết bị phục vụ chăn nuôi (thiết bị chuồng nuôi gà, thiết bị nhà ấp trứng, tủ lạnh, máy rửa chuồng...); Thiết bị công trình (máy phát điện dự phòng, điều hòa nhiệt độ, thiết bị giám sát hình ảnh, thiết bị trong nhà cách ly dịch...); Thiết bị làm việc (bàn, ghế làm việc, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu, thiết bị họp trực tuyến ...); Thiết bị vận chuyển con giống (xe ô tô tải dưới 3 tấn)."*

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này).*

đ) Bổ sung vào khoản 11:

*"11.6. Các hạng mục bổ sung- giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:*

a) *Chuồng nuôi gà con: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 756m<sup>2</sup>, bước gian 3,6m và 5,2m, nhịp nhà 12m, chiều cao đến đỉnh cột 3,0m.*

*- Kết cấu: Móng đơn, dầm móng, cột, dầm BTCT; vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tôn mũi có lớp xốp cách nhiệt; trần tôn phẳng; tường xây gạch không nung vữa XM, trát vữa XM, quét vôi; tường dọc chuồng dưới xây gạch cao 0,6m, trên khung thép bịt lưới thép, ngoài che vải bạt; tôn nền bằng đất đồi đầm chặt; nền đổ BTXM; vách ngăn chuồng khung thép bịt lưới thép; cửa khung thép hộp, bịt tôn;*

*- Cấp điện dùng cáp và dây dẫn ruột đồng các loại; lắp đặt tủ điện tổng, đèn, các thiết bị và phụ kiện kèm theo;*

*- Chống sét dùng kim thu sét, dây dẫn, dây thoát sét bằng thép tròn và hệ tiếp địa theo quy định;*

*- Cấp thoát nước dùng ống nhựa các loại, lắp đặt thiết bị, phụ kiện kèm theo;*

*- Lắp đặt hệ thống thiết bị phục vụ chăn nuôi đồng bộ.*

b) *Chuồng nuôi gà tân đảo: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 200m<sup>2</sup>, bước gian 4m, nhịp nhà 10m, chiều cao đến đỉnh cột 3,0m.*

*- Giải pháp kết cấu, cấp điện, chống sét, cấp thoát nước, hệ thống thiết bị phục vụ chăn nuôi tương tự như Chuồng nuôi gà con.*

c) *Bổ sung sân đường, thoát nước mặt:*

*- Đường nội khu: Kết cấu mặt BTXM, dưới đệm cấp phối đá dăm và đất tôn nền đầm chặt; bó vỉa dùng viên BTXM đúc sẵn;*

*- Rãnh và hố ga thoát nước: Thành gạch, trát vữa XM, đáy đổ BTXM, nắp đáy tấm đan BTCT hoặc lưới thu nước chuyên dụng.*

d) *Ga ra xe: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 66m<sup>2</sup>; bước gian 3,3m, nhịp nhà 5m, chiều cao nhà tới đỉnh cột 2,3m;*

*- Kết cấu: Móng đơn, dầm móng BTCT; cột, vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tôn mũi có lớp xốp cách nhiệt; tường xây gạch, vữa XM, trát vữa XM; nền đổ BTXM;*

*- Giải pháp cấp điện, chống sét tương tự như Chuồng nuôi gà con.*

đ) Nhà chứa phân: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 80m<sup>2</sup>, bước gian 3,3m, nhịp nhà 6m, chiều cao nhà tới đỉnh cột 3,0m;

- Kết cấu: Móng đơn, dầm móng, cột dầm BTCT mác 200; vì kèo, xà gỗ thép, mái lợp tôn múi có lớp xốp cách nhiệt; tường xây gạch không nung vữa XM, trát vữa XM, quét vôi; nền đổ BTXM; cửa khung thép hộp, bít tôn;

- Giải pháp cấp điện, chống sét tương tự như Chuồng nuôi gà con.

e) Nhà đốt xác động vật: 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 25m<sup>2</sup>, bước gian 3,6m, nhịp nhà 6,9m, chiều cao nhà tới đỉnh cột 3,3m;

- Giải pháp kết cấu, cấp điện, chống sét tương tự như Nhà chứa phân; trần tôn phẳng; nền đổ BTXM, lát gạch ceramic; cửa khung thép hộp bít kính.

g) Bổ sung tường rào cách ly

- Cổng phụ: rộng 2,4m, cánh cổng khung thép, bít lưới thép; trụ cổng BTCT đúc sẵn, chèn móng bằng BTXM;

- Tường rào: cao 2m, trụ rào BTCT đúc sẵn, căng lưới thép.”

e) Bổ sung điểm c vào khoản 13 (Tổng mức đầu tư xây dựng):

“c) Tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh: 53.000.000.000 đồng (Năm mươi ba tỷ đồng).

Chia ra:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	1.984.450.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	36.875.150.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	6.453.029.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	944.591.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.586.528.000 đồng;
- Chi phí khác:	539.358.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	3.616.894.000 đồng.”

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này)

## 2. Điều chỉnh một số nội dung Điều 2 (Phân giao nhiệm vụ):

a) Điều chỉnh khoản 1:

“1. Viện Chăn nuôi:

Thực hiện nhiệm vụ được phân giao tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 704/QĐ-BNN-XD ngày 27/02/2023 của Bộ và các nội dung sau;

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quy trình thực hiện, tính hợp pháp, đúng đắn của các Quyết định phê duyệt trong quá trình thực hiện DATP thuộc thẩm quyền và các số liệu có trong hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh trình thẩm định, phê duyệt;

- Khẩn trương hoàn thành các thủ tục về quyền sử dụng đất theo quy định;

- Chỉ đạo Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền Trung kiện

*toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự để tiếp nhận công trình sau đầu tư; đồng thời tăng cường nguồn lực để quản lý, vận hành, khai thác công trình có hiệu quả, đúng mục đích, tránh lãng phí đầu tư.”*

b) Điều chỉnh khoản 3:

“3. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường: Hướng dẫn Chủ đầu tư trong công tác thẩm định, phê duyệt đặc tính, thông số kỹ thuật của các thiết bị phục vụ chăn nuôi; *chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu các thiết bị phục vụ chăn nuôi của toàn DATP.*”

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều chỉnh, bổ sung nội dung đầu tư tại khoản 5 mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 497/QĐ-BNN-KH ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển giống vật nuôi”.

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 1, Điều 2 và các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 704/QĐ-BNN-XD ngày 27/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án đầu tư Dự án thành phần “Phát triển một số giống vật nuôi chất lượng cao tại khu vực miền Trung”.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục trưởng các Cục: Quản lý xây dựng công trình, Chăn nuôi, Viện trưởng Viện Chăn nuôi, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển chăn nuôi miền Trung và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Phùng Đức Tiến;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Kho bạc NN (TU và ĐP);
- Lưu VT, XD (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Hoàng Hiệp**

**Phụ lục I:**  
**DANH MỤC THIẾT BỊ**  
Dự án thành phần: Xây dựng Trại giống bò thịt năng suất chất lượng cao  
(Kèm theo Quyết định số 72/QĐ-BNN-XD ngày 07 tháng 01 năm 2025  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thiết bị đã duyệt</b>			
1	Thiết bị phục vụ chăn nuôi			
1.1	Thiết bị cho chuồng nuôi gà đẻ	Hệ thống	01	Giữ nguyên
1.2	Thiết bị cho chuồng nuôi gà hậu bị (nuôi nền)	Hệ thống	01	Giữ nguyên
1.3	Thiết bị cho nhà ấp trứng	Hệ thống	01	Giữ nguyên
2	Thiết bị công trình			
2.1	Thiết bị chống sét	Hệ thống	0	Không đầu tư
<b>II</b>	<b>Thiết bị bổ sung</b>			
1	Thiết bị phục vụ chăn nuôi			
1.1	Thiết bị chuồng nuôi gà con (máng ăn, máng uống, hệ thống sưởi ấm, hệ thống thông gió, làm mát, chiếu sáng, bạt che...)	Hệ thống	01	Bổ sung mới
1.2	Thiết bị chuồng nuôi gà tân đảo (máng ăn, máng uống, hệ thống sưởi ấm, hệ thống thông gió, làm mát, chiếu sáng, bạt che...)	Hệ thống	01	Bổ sung mới
1.3	Tủ lạnh bảo quản vắc xin, thuốc thú y	Cái	01	Bổ sung mới
1.4	Máy rửa chuồng	Cái	04	Bổ sung mới
2	Thiết bị công trình			
2.1	Máy phát điện dự phòng	Bộ	01	Bổ sung mới
2.2	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	17	Bổ sung mới
2.3	Thiết bị giám sát hình ảnh	Hệ thống	06	Bổ sung mới
2.4	Thiết bị trong nhà cách ly dịch	Hệ thống	01	Bổ sung mới
3	Thiết bị làm việc (bàn, ghế làm việc, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu, thiết bị họp trực tuyến ...)	Hệ thống	01	Bổ sung mới
4	Thiết bị vận chuyển con giống (xe ô tô tải dưới 3 tấn)	Cái	01	Bổ sung mới

*Nam*

**Phụ lục II:**  
**TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (ĐIỀU CHỈNH)**  
**Dự án thành phần: Phát triển một số giống vật nuôi**  
**chất lượng cao tại khu vực miền Trung**

(Kèm theo Quyết định số 72 /QĐ-BNN-XD ngày 07 tháng 01 năm 2025  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư</b>	<b>1.984.450</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>36.875.150</b>
<b>II.1</b>	<b>Phần đã phê duyệt</b>	<b>29.964.063</b>
1	Chuồng nuôi gà giống	8.500.358
2	Nhà điều hành	2.487.555
3	Công trình phụ trợ	7.845.282
4	Hạ tầng kỹ thuật	11.130.868
<b>II.2</b>	<b>Phần bổ sung</b>	<b>6.911.087</b>
1	Chuồng nuôi gà con	3.541.223
2	Chuồng nuôi gà tân đáo	1.636.739
3	Gara xe	806.120
4	Nhà chứa phân	527.464
5	Nhà đốt xác động vật	215.582
6	Sân đường nội khu	140.207
7	Tường rào	43.752
<b>III</b>	<b>Chi phí thiết bị</b>	<b>6.453.029</b>
<b>II.1</b>	<b>Phần đã phê duyệt</b>	<b>2.954.294</b>
1	Thiết bị cho chuồng nuôi gà đẻ	1.733.010
2	Thiết bị cho chuồng nuôi gà hậu bị	661.634
3	Thiết bị cho nhà ấp trứng	559.650
4	Thiết bị chống sét	0
<b>II.2</b>	<b>Phần bổ sung</b>	<b>3.498.735</b>
1	Thiết bị phục vụ chăn nuôi	543.859
2	Thiết bị công trình	1.484.570
3	Thiết bị làm việc	520.306
4	Thiết bị vận chuyển con giống (TT)	950.000
<b>IV</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>944.591</b>
1	Giai đoạn chuẩn bị dự án	10.102
2	Giai đoạn thực hiện và kết thúc xây dựng	934.489

*nam*

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>V</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>2.586.528</b>
<b>IV.1</b>	<b>Giai đoạn chuẩn bị dự án</b>	<b>228.642</b>
1	Lập nhiệm vụ, dự toán chi phí chuẩn bị dự án	1.903
2	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn	984
3	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	89.917
4	Chi phí lập dự án đầu tư	132.177
5	Chi phí giám sát công tác khảo sát	3.661
<b>IV.2</b>	<b>Giai đoạn thực hiện dự án</b>	<b>2.357.886</b>
1	Chi phí bàn giao mốc giới ngoài thực địa	71.667
2	Chi phí lập điều chỉnh dự án đầu tư	96.000
3	Chi phí thiết kế BVTC, dự toán	920.331
4	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	51.682
5	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	50.511
6	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn	3.252
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp	99.936
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết bị	18.054
9	Chi phí thẩm định giá thiết bị	64.530
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	800.771
11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	41.225
12	Chi phí lập hồ sơ xin cấp giấy phép bảo vệ môi trường	100.000
13	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT	39.927
<b>VI</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>539.358</b>
1	Phí thẩm định dự án	7.431
2	Phí thẩm định thiết kế BVTC	17.053
3	Phí thẩm định dự toán	16.459
4	Phí thẩm định, cấp giấy phép môi trường	0
5	Chi phí bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng	28.529
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	160.154
7	Chi phí kiểm toán độc lập	235.161
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	74.571
<b>VII</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>3.616.894</b>
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh	2.433.144
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	1.183.750
	<b>TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI+ VII)</b>	<b>53.000.000</b>

*nam*